

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DỰ THẢO

Stt	Quy chế hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 3. <u>Giải thích từ ngữ: Các thuật ngữ chưa được giải thích trong Quy chế này được hiểu theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.</u> 4. <u>Nguyên tắc áp dụng: Quy chế này được áp dụng thống nhất với pháp luật, Điều lệ Công ty, và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Nếu có sự khác nhau thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn; Hội đồng quản trị phải kịp thời trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi Quy chế đối với nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</u>	Bổ sung mới
2	Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị <u>trong phạm vi quyền hạn được giao theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc giao nhiệm vụ, phân cấp hoặc ủy quyền không làm chuyển giao trách nhiệm giám sát của Hội đồng quản trị.</u> 3. <u>Tổng Giám đốc không được tự quyết định các vấn đề vượt phạm vi hoạt động kinh doanh hằng ngày theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Tổng Giám đốc phải xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị (và Hội đồng quản trị có thẩm quyền) đối với các hợp đồng nguyên tắc/ hợp đồng khung không quy định giá trị cụ thể, và các hợp đồng nằm ngoài hoạt động kinh doanh cốt lõi (bao gồm cả các loại hợp đồng hay mô hình kinh doanh chưa từng được Hội đồng quản trị cho phép áp dụng) trước khi ký kết và thực hiện các hợp đồng này.</u>	Làm rõ cơ chế phối hợp, quyền hạn và nghĩa vụ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc. Bổ sung nội dung quan trọng đã được quy định tại Điều 40.5(1) Điều lệ SASCO.
3	Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:	Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau: f. <u>Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</u> 3. <u>Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết) phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</u>	Bổ sung điểm f khoản 2 và khoản 3 theo khoản 4 Điều 28 của Dự thảo Điều lệ SASCO.
4	Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	

Stt	Quy chế hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. <u>Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.</u>	1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, <u>Kế toán trưởng hoặc</u> Người quản lý khác trong Công ty cung cấp <u>và giải trình các</u> thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của <u>các</u> đơn vị trong Công ty (bao gồm nhưng <u>không giới hạn các công ty con, công ty liên kết, đơn vị phụ thuộc của Công ty</u>), <u>cũng như các thông tin, tài liệu khác cần thiết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.</u> 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị <u>theo quy định tại Quy chế này.</u> 3. <u>Yêu cầu cung cấp thông tin được lập bằng văn bản hoặc gửi qua hệ thống quản lý văn bản, thư điện tử đã đăng ký tại Công ty và phải xác định rõ:</u> a) <u>Nội dung, phạm vi và thời kỳ của thông tin, tài liệu cần cung cấp;</u> b) <u>Hình thức cung cấp;</u> c) <u>Thời hạn cần nhận thông tin, tài liệu; và</u> d) <u>Yêu cầu về giải trình hoặc xác nhận của Người quản lý, nếu có.</u> 4. <u>Trong trường hợp khẩn cấp, thành viên Hội đồng quản trị có thể yêu cầu bằng lời nói, điện thoại hoặc phương tiện liên lạc khác, nhưng phải xác nhận lại bằng văn bản hoặc thư điện tử trong thời hạn một (01) ngày làm việc.</u> 5. <u>Người quản lý được yêu cầu phải xác nhận việc tiếp nhận yêu cầu trong thời hạn một (01) ngày làm việc và cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, chính xác, trung thực trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Đối với thông tin, tài liệu phức tạp, cần tổng hợp từ nhiều đơn vị hoặc trích xuất từ hồ sơ lưu trữ, thời hạn cung cấp không quá bảy (07) ngày làm việc. Trường hợp thông tin, tài liệu cần thiết để phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị, việc cung cấp phải hoàn thành trước thời điểm gửi tài liệu họp (chậm nhất [03] ngày làm việc trước ngày họp) hoặc trong thời hạn khác do thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu phù hợp với tính chất cấp bách của vấn đề.</u> 6. <u>Trường hợp không thể cung cấp đúng thời hạn, Người quản lý được yêu cầu phải thông báo bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị trước khi hết hạn, nêu rõ lý do, phần thông tin đã có thể cung cấp, biện pháp đang thực hiện và thời điểm dự kiến hoàn thành. Việc gia hạn không được vượt quá năm (05) ngày làm việc, trừ khi thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu đồng ý khác.</u> 7. <u>Thông tin, tài liệu phải được cung cấp trực tiếp cho thành viên Hội đồng quản trị đã yêu cầu, đồng thời được gửi cho Người phụ trách quản trị Công ty để ghi nhận và lưu hồ sơ. Thông tin có tính chất mật vẫn phải được cung</u>	Đã bổ sung theo khoản 1 Điều 34 của Dự thảo Điều lệ SASCO. Bổ sung từ khoản 3 đến khoản 10. Điều lệ Công ty chưa có nội dung về trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin, do vậy cần phải bổ sung cụ thể tại đây.

Stt	Quy chế hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<u>cấp theo phương thức bảo mật phù hợp; tính chất bí mật của thông tin không phải là căn cứ để từ chối cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp pháp luật cấm cung cấp hoặc yêu cầu phải hạn chế một phần thông tin, Người quản lý phải cung cấp phần thông tin được phép và thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ căn cứ pháp lý của việc từ chối hoặc hạn chế.</u> 8. <u>Trường hợp Người quản lý không cung cấp, cung cấp chậm, không đầy đủ hoặc không chính xác thông tin, tài liệu, thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị chỉ đạo việc cung cấp và xem xét trách nhiệm của cá nhân có liên quan. Việc không thực hiện đúng yêu cầu cung cấp thông tin được xem xét trong quá trình đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xử lý trách nhiệm theo Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ và pháp luật.</u> 9. <u>Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm sử dụng thông tin, tài liệu được cung cấp đúng mục đích thực hiện nhiệm vụ; bảo mật và không cung cấp cho bên thứ ba, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu hoặc pháp luật có quy định khác. Quyền yêu cầu thông tin không được sử dụng nhằm cản trở hoạt động bình thường của Công ty hoặc phục vụ lợi ích riêng của thành viên Hội đồng quản trị hay của tổ chức, cá nhân khác.</u> 10. <u>Trong trường hợp cần thiết, để phục vụ cho việc ra quyết định độc lập, khách quan và bảo vệ lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Công ty thuê các chuyên gia tư vấn độc lập (pháp lý, tài chính, kiểm toán...) để đánh giá các thông tin, tài liệu do Ban Điều hành cung cấp. Chi phí thuê chuyên gia tư vấn độc lập do Công ty chi trả theo hạn mức ngân sách hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.</u>	Quyền thuê tư vấn độc lập – đây là thông lệ tốt trong quản trị công ty đại chúng theo Cẩm nang quản trị công ty 2025 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
5	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá <u>năm</u> (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty (<u>trường hợp công ty niêm yết</u>) không quá <u>hai</u> (02) nhiệm kỳ liên tục.	Đã sửa đổi theo khoản 2 Điều 27 của Dự thảo Điều lệ SASCO.
6	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng <u>bị cấm quản lý doanh nghiệp</u> theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết	Bổ sung cho phù hợp với Điều 28.1(a) Điều lệ SASCO.

Stt	Quy chế hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác; c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;	phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác; c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty <u>chỉ được</u> đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc Hội đồng thành viên</u> tại tối đa năm (05) công ty khác; 2. <u>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết) phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</u> a. <u>Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liên trước đó;</u> b. <u>Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</u> c. <u>Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ đông lớn của Công ty; là Người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</u> d. <u>Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</u> e. <u>Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liên trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.</u>	Sửa đổi điểm c theo điểm c khoản 1 Điều 28 của Dự thảo Điều lệ SASCO. Bổ sung khoản 2 (tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng quản trị) theo khoản 3 Điều 28 của Dự thảo Điều lệ SASCO.
7	Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: f. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;	Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: b. <u>Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</u> e. <u>Quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đề thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty trong những trường hợp xét thấy không cần thiết triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường. Phê duyệt hình thức và nội dung Phiếu biểu quyết;</u> f. Giám sát <u>và đơn đốc</u> quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị <u>và của các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);</u> h. <u>Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;</u>	Đã bổ sung điểm b, e, h, i, j, k theo khoản 3 Điều 31 của Dự thảo Điều lệ SASCO.

Stt	Quy chế hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	1. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 31 Điều lệ Công ty. 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. 5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;	i. <u>Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sau khi đã có sự thống nhất của trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số các thành viên Hội đồng quản trị (thể hiện trực tiếp bằng việc thông qua Nghị quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;</u> j. <u>Phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ thuộc chức năng quản trị Công ty; theo dõi, đôn đốc các thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản trị Công ty; đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các tiểu ban (nếu có) và hội đồng của Hội đồng quản trị tối thiểu 01 năm một lần, xác nhận với Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá đạt yêu cầu của Hội đồng quản trị trước khi tái bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm;</u> 1. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm. 6. Khi xét thấy cần thiết, <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng và bổ nhiệm thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</u> d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; <u>hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các</u> nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; f. <u>Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; và</u> 7. <u>Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho (các) thành viên Hội đồng quản trị khác ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) thành viên Hội đồng quản trị khác được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.</u>	Sửa để phù hợp với Điều 31.6 Điều Lệ Công Ty, việc tuyển dụng thư ký do Chủ tịch HĐQT quyết định. Bổ sung điểm f theo khoản 6 Điều 31 của Dự thảo Điều lệ SASCO. Bổ sung theo khoản 7 Điều 31 của Dự thảo Điều lệ SASCO.

Stt	Quy chế hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
8	Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên a. Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp; 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Số thành viên Hội đồng quản trị <u>bị giảm quá một phần ba (1/3)</u> so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>60</u> ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;	Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên a. Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp <u>và Điều 28 Điều lệ Công ty</u>; 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Số thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết) còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật</u>. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>30</u> ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;	Chỉnh sửa để phù hợp với Điều 13.3, 13.4 Điều lệ SASCO.
9	Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu <u>từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị như sau: 2. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau: a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc <u>họp</u> nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;	Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu <u>tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết dưới đây</u> có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị như sau: a. Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; b. Từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; c. Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; d. Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; e. Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; f. Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; g. Từ 70% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên. 2. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau: a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc <u>họp</u> nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;	Bổ sung các điểm từ a đến g theo khoản 2 Điều 26 Dự thảo Điều lệ SASCO. Chỉnh sửa để phù hợp với Điều 11.3 Điều lệ SASCO.

Stt	Quy chế hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>quy định tại khoản này</u> được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử. 7. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.	b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử. 4. <u>Trường hợp đã xác định được ứng cử viên, Cổ đông, nhóm cổ đông phải gửi Hồ sơ đề cử, ứng cử đến Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định trong Thông báo mời họp để Công ty thực hiện công bố thông tin tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông;</u> 5. <u>Hội đồng quản trị (hoặc Tiểu ban Nhân sự thuộc Hội đồng quản trị, nếu có) chịu trách nhiệm tiếp nhận và thẩm định tính hợp lệ của Hồ sơ đề cử, ứng cử. Hội đồng quản trị có quyền từ chối đưa vào danh sách ứng cử viên trình Đại hội đồng cổ đông nếu ứng viên không đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Quy chế này hoặc Hồ sơ đề cử, ứng cử được gửi không đúng hạn, không đầy đủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u> 7. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu <u>hoặc biểu quyết bằng điện tử (trường hợp họp trực tuyến).</u>	Bổ sung để làm rõ hơn trình tự thủ tục trong trường hợp này. Bổ sung họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, phù hợp với Điều lệ Công ty.
10	Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị g. Công ty <u>đại chúng</u> phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). 2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.	Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). 2. Việc thông báo <u>và công bố thông tin</u> về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.	Thay “Công ty đại chúng” bằng “Công ty”.
11	Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	Đã sửa đổi, bổ sung nội dung của khoản 2 này theo khoản 2 Điều 29 của Dự thảo Điều lệ SASCO, cụ thể:

Stt	Quy chế hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty. e) <u>Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</u> Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với <u>Giám đốc hoặc Tổng giám đốc</u> và người quản lý quan trọng khác <u>do Điều lệ Công ty quy định</u>; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; Giám sát, chỉ đạo <u>Giám đốc hoặc Tổng giám đốc</u> và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; o. Trình báo cáo tài chính hằng năm <u>đã được kiểm toán</u> lên Đại hội đồng cổ đông;	a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty. <u>Cụ thể, Hội đồng quản trị tổ chức soạn thảo kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty trước ngày 31/12 của năm liền trước hoặc ngày 31/1 của năm đó;</u> b. <u>Định hướng, quyết định chiến lược và các khung chính sách về phát triển bền vững, chuyển đổi số, và quy chế quản trị rủi ro phù hợp với bối cảnh phát triển của Công ty;</u> g. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ <u>ba mươi lăm phần trăm (35%)</u> tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, <u>trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14 và Điều 44 Điều lệ Công ty và theo quy định pháp luật.</u> k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với <u>thành viên Ban Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty và Kế toán trưởng, các thành viên trong các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị</u> và Người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; l. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con và đơn vị phụ thuộc và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; o. Trình báo cáo <u>quyết toán</u> tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông; r. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty; s. <u>Xác định danh sách các hoạt động kinh doanh cụ thể được coi là hoạt động kinh doanh cốt lõi theo định nghĩa tại Khoản 2 Điều 4 Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;</u>	- Chính sửa điểm a - Bổ sung điểm b - Bỏ điểm e - Bổ sung điểm g - Chính sửa điểm i - Chính sửa điểm k - Chính sửa điểm l - Chính sửa điểm m - Chính sửa điểm o - Chính sửa điểm r - Bổ sung điểm s, t

Stt	Quy chế hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; <u>quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị</u>; Quy chế về công bố thông tin của Công ty; 4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	t. <u>Lương thưởng, thù lao, chi phí của Tiểu ban và các cơ quan giúp việc thuộc Hội đồng quản trị</u>; 4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án <u>hoặc Trọng tài</u> đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên. 5. <u>Mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ không phải chịu trách nhiệm liên đới đối với bất kỳ hành động hay trách nhiệm nào của bất kỳ Người quản lý doanh nghiệp nào chỉ vì lý do đơn thuần là Người quản lý doanh nghiệp đó đã được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc chỉ định, và/hoặc được thành viên Hội đồng quản trị đó đề cử hoặc chỉ định, và/hoặc Người quản lý doanh nghiệp đó là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị.</u>	Chỉnh sửa để phù hợp với định nghĩa hoạt động kinh cốt lõi theo quy định của Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Đã chỉnh sửa theo khoản 4 Điều 29 của Dự thảo Điều lệ SASCO. Đã bổ sung theo khoản 5 Điều 29 của Dự thảo Điều lệ SASCO.
12	Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 1. Hội đồng quản trị chấp thuận:	Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 1. Hội đồng quản trị <u>có thẩm quyền</u> chấp thuận: a. <u>Các khoản vay hoặc bảo lãnh quy định tại điểm a khoản 10 Điều 53 Điều lệ Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông</u>; b. Các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) <u>tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</u> hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất với một trong các đối tượng sau: (iii) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp <u>và Khoản 2 Điều 42 Điều lệ Công ty</u>; c. <u>Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc dưới mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty giữa Công ty với Cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần</u>	Đã bổ sung theo khoản 11 Điều 53 của Dự thảo Điều lệ SASCO, cụ thể: - Bổ sung điểm a - Chỉnh sửa điểm b - Bổ sung điểm c

Stt	Quy chế hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<u>trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó.</u> d. Các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 11 Quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật.	- Bổ sung điểm d
13	Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; [...] f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;	Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, thành viên</u> Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 2 Điều 11 của Điều lệ Công ty</u>; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; e. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được <u>kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ. Trường hợp báo cáo tài chính quý, sáu tháng hoặc năm phản ánh vốn chủ sở hữu giảm từ mười phần trăm (10%) trở lên so với số đầu kỳ nhưng chưa đến mức bắt buộc nêu trên, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị báo cáo giải trình, đánh giá rủi ro và phương án khắc phục; Hội đồng quản trị phải kịp thời xem xét biện pháp xử lý và quyết định việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</u> f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật <u>và Điều lệ Công ty.</u> 2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết), thành viên Hội đồng quản trị không điều hành</u> hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;	Đã sửa đổi theo khoản 3 Điều 13 của Dự thảo Điều lệ SASCO, cụ thể: - Chính sửa điểm b, c, f - Bổ sung điểm e Đã bổ sung theo điểm a khoản 4 Điều 13 của Dự thảo Điều lệ SASCO.
14	Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu	Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi	

Stt	Quy chế hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. <u>Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết)/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u> Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định <u>và chỉ đạo</u> của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. 2. <u>Hội đồng quản trị có thể ban hành quy chế hoạt động của từng tiểu ban, quy định rõ thành phần, nhiệm kỳ, phạm vi công việc, quyền tiếp cận thông tin, ngân sách, cơ chế họp, biểu quyết, xử lý xung đột lợi ích và chế độ báo cáo. Tiểu ban có chức năng tham mưu, rà soát và kiến nghị, không thay thế hoặc làm chuyển giao thẩm quyền và trách nhiệm quyết định của Hội đồng quản trị; các ý kiến khác biệt phải được báo cáo đầy đủ cho Hội đồng quản trị.</u>	Đã chỉnh sửa theo khoản 1 Điều 36 của Dự thảo Điều lệ SASCO. Bổ sung cơ chế để HĐQT sử dụng hiệu quả và phát huy vai trò của các tiểu ban giúp việc.
15	Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b. Có đề nghị của <u>Giám đốc hoặc</u> Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; 7. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng <u>giấy mời</u>, điện thoại, fax, <u>phương tiện</u> điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.	Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị (<u>trường hợp công ty niêm yết</u>); b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; d. Trường hợp có đề nghị của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty; e. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định. 7. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng <u>bưu điện</u>, điện thoại, fax, <u>thư điện tử</u> hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát, <u>Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị</u> như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.	Đã bổ sung theo khoản 4 Điều 32 của Dự thảo Điều lệ SASCO, cụ thể: - Chỉnh sửa điểm a, b - Bổ sung điểm d, e Đã bổ sung theo khoản 7 Điều 32 của Dự thảo Điều lệ SASCO.

Stt	Quy chế hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. 14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. <u>Việc ủy quyền dự họp và biểu quyết phải được lập thành văn bản.</u> 14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (<u>trên 50%</u>); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 15. <u>Việc biểu quyết trong trường hợp có xung đột lợi ích được thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật về doanh nghiệp.</u>	Đã bổ sung theo khoản 14 Điều 33 của Dự thảo Điều lệ SASCO. Bổ sung khoản 15
16	Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị 1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp, và <u>cách thức dự họp</u>; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị 1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.</u> Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp, và họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; i. Họ, tên, chữ ký <u>của</u> chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự <u>và đồng ý thông qua biên bản</u> họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. <u>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.</u> 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. <u>Việc cung cấp, trích lục, sao chép Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các tổ chức, cá nhân (ngoài thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát) phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin nội bộ của Công ty.</u>	Đã chỉnh sửa theo khoản 1 Điều 33 của Dự thảo Điều lệ SASCO. Đã chỉnh sửa theo khoản 4 Điều 33 của Dự thảo Điều lệ SASCO.

Stt	Quy chế hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		6. <u>Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%) tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.</u>	Đã bổ sung theo khoản 7 Điều 33 của Dự thảo Điều lệ SASCO.
17	<i>Quy chế cũ chưa quy định nội dung này</i>	<u>Điều 17. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản</u> <u>Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo các thủ tục sau:</u> <u>1. Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo Nghị quyết cho các thành viên Hội đồng quản trị. Phiếu lấy ý kiến phải xác định rõ từng vấn đề, phương án biểu quyết, thời hạn trả lời, tài liệu làm căn cứ và phương thức gửi, nhận có thể kiểm tra;</u> <u>2. Các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong Phiếu lấy ý kiến;</u> <u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị cử ra Ban kiểm phiếu để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị;</u> <u>4. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành (trên 50%), trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thành viên có lợi ích liên quan không được biểu quyết đối với vấn đề có xung đột lợi ích.</u> <u>5. Việc không gửi lại phiếu trong thời hạn trong Phiếu lấy ý kiến được coi là không tham gia biểu quyết.</u> <u>6. Kết quả kiểm phiếu phải được lập thành biên bản kiểm phiếu, lưu cùng hồ sơ nghị quyết.</u> <u>7. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị về các vấn đề đã được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua. Nghị quyết Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.</u>	Đã bổ sung theo khoản 16 Điều 32 của Dự thảo Điều lệ SASCO.
18	Điều 18. Trình báo cáo hằng năm 1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:	Điều 18. Trình báo cáo hằng năm 1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây: a. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau: (i) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị	Bổ sung căn cứ Điều 278, 280 Nghị Định 155/2020/NĐ-CP

Stt	Quy chế hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. (ii) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị. (iii) Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. (iv) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết). (v) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có). (vi) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc (Giám đốc). (vii) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác. (viii) Các kế hoạch trong tương lai.	
19	Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, <u>Tiểu ban Hội đồng quản trị</u> được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. 4. <u>Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công tron gói theo từng lần, lượng, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.</u>	Đã chỉnh sửa theo khoản 4 Điều 30 của Dự thảo Điều lệ SASCO. Đã bổ sung theo khoản 5 Điều 30 của Dự thảo Điều lệ SASCO.
20	Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan 3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của	Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan 3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được <u>trên 50%</u>	Đã sửa đổi theo khoản 5 Điều 42 của Dự thảo Điều lệ SASCO.

Stt	Quy chế hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	Hội đồng quản trị chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.	<u>tổng số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.</u>	
21	Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.	Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành 1. <u>Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành là quan hệ phối hợp căn cứ theo nguyên tắc phối hợp quy định tại Điều 6 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</u> 2. <u>Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Tổng Giám đốc phối hợp theo các nguyên tắc sau:</u> a. <u>Việc triệu tập, thông báo mời họp, lập biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Tổng Giám đốc phải được thực hiện bằng văn bản và lưu trong hồ sơ quản trị;</u> b. <u>Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi kịp thời cho Tổng Giám đốc, trừ thông tin bị hạn chế tiếp cận theo pháp luật;</u> c. <u>Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo tiến độ, khó khăn, rủi ro cùng biện pháp xử lý;</u> d. <u>Tổng Giám đốc hoặc chủ thể có quyền theo Điều lệ có thể yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị và nêu rõ vấn đề cần xem xét;</u> e. <u>Tổng Giám đốc cung cấp báo cáo định kỳ, đột xuất và thông tin quản trị theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;</u> f. <u>Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm tra, và giám sát việc thực hiện nghị quyết, việc phân cấp và ủy quyền cho Tổng Giám đốc, và các hoạt động kinh doanh hằng ngày thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc;</u> g. <u>Danh mục báo cáo, dữ liệu, thời hạn, đầu mối và phương thức cung cấp thông tin phải được chuẩn hóa, bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời và bảo mật;</u> h. <u>Các bên phối hợp kiểm soát tuân thủ, quản trị rủi ro, giao dịch với người có liên quan, xung đột lợi ích và công bố thông tin.</u>	Bổ sung nội dung các nguyên tắc cụ thể trong cơ chế phối hợp hoạt động, HĐQT.
22	Điều 23. Mối quan hệ với Ban kiểm soát 1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.	Điều 23. Mối quan hệ với Ban kiểm soát 1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp <u>căn cứ theo nguyên tắc phối hợp quy định tại Điều 6 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</u> Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.	Bổ sung làm rõ nguyên tắc, HĐQT có thể ban hành quy chế phối hợp cụ thể hơn.
23	Điều 24. Hiệu lực thi hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất bao gồm 07	Điều 24. Hiệu lực thi hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026. <u>Hội đồng quản trị chịu</u>	

Stt	Quy chế hiện tại	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.	<u>trách nhiệm tổ chức thực hiện và công bố Quy chế trên trang thông tin điện tử của Công ty. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông và được thực hiện theo trình tự pháp luật, Điều lệ Công ty.</u>	Căn cứ quy định về thẩm quyền tại Điều 278.4 Nghị Định 155/2020/NĐ-CP.